

10. TRUNG QUỐC VÀ KHAI THÁC CHUNG Ở BIỂN ĐÔNG

Từ góc nhìn an ninh năng lượng

Lee Lai To và Chen Shaofeng

Người dịch: Hồ Thị Hiếu Minh

Hiệu đính: Lê Quang Hưng

Giới thiệu

Nếu muốn biết nguồn gốc đề xuất cùng khai thác ở Biển Đông của Trung Quốc, có thể quay lại thời kỳ Đặng Tiểu Bình vào cuối những năm 1970. Khi đó, Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình đã phải đối mặt với một số tranh chấp lãnh thổ, bao gồm tranh chấp với Nhật Bản ở Biển Hoa Đông và một tranh chấp khác phức tạp hơn với các quốc gia Đông Nam Á ở Biển Đông.

Trong khi Trung Quốc một mực khẳng định rằng nước này có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các lãnh thổ nói trên, Đặng Tiểu Bình đã đủ thực dụng khi chỉ ra rằng Trung Quốc sẵn sàng gác qua một bên tranh chấp lãnh thổ vì hòa bình, phát triển và tình hữu nghị. Các nhà phân tích Trung Quốc có thể cho rằng ý tưởng gác lại tranh chấp được đưa ra đầu tiên bởi Đặng Tiểu Bình khi trả lời cho một câu hỏi về xung đột Trung Quốc-Nhật Bản về đảo

Diaoyu (Quần đảo Senkaku theo tiếng Nhật Bản) tại một cuộc họp báo ở Tokyo vào cuối năm 1978.¹

Sau đó, vào đầu năm 1984, Đặng Tiểu Bình lần đầu tiên đưa ra ý kiến trong một cuộc nói chuyện với đoàn đại biểu từ Trung tâm nghiên cứu quốc tế và chiến lược thuộc Đại học Georgetown tại Washington DC,² rằng trong việc cố gắng giải quyết các tranh chấp lãnh thổ, các quốc gia liên quan nên “cùng phát triển vùng tranh chấp trước khi thảo luận vấn đề chủ quyền”. Quan trọng hơn, Đặng Tiểu Bình đề xuất trong một phát biểu tại phiên họp toàn thể của Ủy ban Cố vấn Trung ương, Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 10 năm 1984 rằng “những giải pháp mới giải quyết những tranh chấp quốc tế được đưa ra để đáp ứng tình hình và các vấn đề mới nảy sinh.”³ Tiếp sau nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, Đặng Tiểu Bình đề xuất rằng chính sách “một quốc gia, hai hệ thống” có thể được áp dụng trong một vài trường hợp và chính sách “cùng khai thác” trong một vài trường hợp khác.⁴ Chính sách “một quốc gia, hai hệ thống” sẽ được áp dụng cho Hồng Kông và Đài Loan và chính sách “cùng khai thác” sẽ được áp dụng cho quần đảo Trường Sa ở Biển Đông. Cũng nên chú ý rằng Đặng Tiểu Bình đã nỗ lực cụ thể hóa đề xuất “cùng khai thác” trong phát biểu nêu trên bằng việc nhắc lại rằng ông đã đề xuất Trung Quốc và Nhật Bản nên gác lại tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Diaoyu và cùng phát triển vùng tranh chấp trong một cuộc họp báo trong chuyến thăm Nhật của ông năm 1978. Đặng Tiểu Bình cho rằng cùng khai thác của vùng đảo tranh chấp giữa Trung Quốc và Nhật

¹ Xem, ví dụ, Lin Zhong, “Zhongguo yu gongtong kaifa de xueshu tantao” (An academic treatise on China and joint development), *Xian Faxue* (Contemporary Law) 1 (1998), tr. 74.

² Deng Xiaoping, *Fundamental Issues in Present Day China* (Beijing, Foreign Languages Press, 1987), tr. 42.

³ Tlđđ, tr. 74

⁴ Tlđđ.

Bản là nhằm phục vụ cho việc thăm dò dầu dưới biển vì lợi ích chung. Đối với trường hợp quần đảo Trường Sa, Đặng Tiểu Bình luôn cho rằng quần đảo này là của Trung Quốc, tuy nhiên cũng lưu ý rằng Đài Loan đã chiếm đóng một trong số các đảo thuộc Trường Sa và Phillippines, Việt Nam và Malaysia cũng đã chiếm một số đảo khác.

Đặng Tiểu Bình tiếp tục với câu hỏi có thể làm được điều gì trong tương lai. Thật thú vị là Đặng Tiểu Bình lại coi việc Trung Quốc đòi lại tất cả những đảo này bằng vũ lực là một giải pháp, và một giải pháp khác có thể là gác lại vấn đề chủ quyền và cùng phát triển vùng tranh chấp.⁵ Theo Đặng Tiểu Bình, vì Trung Quốc muốn và hi vọng sẽ dùng các biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp, ông sẽ lựa chọn giải pháp “cùng khai thác” để giải quyết vấn đề Trường Sa, và giải pháp “một quốc gia, hai hệ thống” để giải quyết vấn đề Hồng Kông và Đài Loan.⁶

Như nhiều phát biểu và đề xuất từ những lãnh đạo cao cấp của Trung Quốc thì kiến nghị “gác lại vấn đề chủ quyền và cùng khai thác” ở vùng tranh chấp của Đặng Tiểu Bình đã trở thành nguyên tắc hay chính sách định hướng cho Trung Quốc trong việc giải quyết các tranh chấp về lãnh thổ ở Biển Đông. Mục đích của chương này là xem xét việc thực hiện kiến nghị này của Trung Quốc. Vì những dấu hiệu đầu tiên của cùng khai thác chỉ xuất hiện trong thời kỳ chuyển giao giữa hai thế kỷ, nghiên cứu này chủ yếu là về vai trò và tư duy của Trung Quốc trong thế kỷ 21. Một trong những mối quan tâm chính nhất, nếu không phải là mối quan tâm chính nhất của Trung Quốc cũng như các quốc gia trong tranh chấp khác khi tham gia thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên chung rõ ràng là dầu và khí ở Biển Đông. Do đó, nghiên cứu về

⁵ Deng Xiaoping, *Deng Xiaoping Wenxuan* (Selected Works of Deng Xiaoping), Tập 3 (Beijing: Renmin Chubanshe (People’s Press), 1993, tr.87. Một điều thú vị là phần nói về Điều Ngự và quần đảo Trường Sa trong bản dịch tiếng Anh của bài phát biểu này đã bị xóa. Xem Deng Xiaoping, *Fundamental Issues*, tr. 74-76.

⁶ Tlđđ.

cùng khai thác dưới đây sẽ tập trung vào an ninh năng lượng, và chủ yếu tập trung vào Trung Quốc. Chương này sẽ nghiên cứu kỹ không chỉ những quan điểm của Trung Quốc mà còn những lo ngại và vấn đề của Trung Quốc về việc hiện thực hóa cùng khai thác, đặc biệt là về vấn đề dự trữ dầu và khí. Cuối cùng, chương này sẽ đề cập đến vấn đề liệu cùng khai thác với trọng tâm là thăm dò và khai thác dầu và khí ở Biển Đông có phát triển mạnh mẽ được không. Để làm nền tảng cho nghiên cứu này, sẽ thật hữu ích nếu chú ý một chút đến những tiến bộ, hoặc những mặt chưa tiến bộ trong việc thực hiện đề xuất của Đặng Tiểu Bình đối với quần đảo Trường Sa trước khi bước sang thế kỷ mới.

Những hành động tiếp theo

Toàn thể lãnh đạo Trung Quốc đều tuân theo đề xuất cùng khai thác của Đặng Tiểu Bình trong những cuộc đối đầu với các quốc gia tranh chấp khác ở Biển Đông. Do đó, Đặng Tiểu Bình đã chuyển đề xuất này tới Phillipines trong cuộc gặp với Ngoại trưởng Romulo và Tổng thống Aquino lần lượt vào các năm 1986 và 1988.⁷ Thêm vào đó, Lý Bằng, Chủ tịch Trung Quốc sau đó, cũng đã đại diện cho chính phủ Trung Quốc đưa ra đề xuất tương tự trong chuyến thăm Singapore năm 1990. Cuối cùng, khi Điền Kỳ Thâm, người sau này trở thành Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, bắt đầu tham gia quá trình đối thoại ASEAN vào những năm 1990, ông cũng chuyển tải thông điệp tương tự về vấn đề giải quyết tranh chấp.⁸ Từ đó có thể thấy các nhà lãnh đạo Trung Quốc sau Đặng Tiểu Bình cũng đã trung thành với nguyên tắc định hướng này. Đáng chú ý hơn cả là Thủ tướng Giang Trạch Dân, trong khi tham dự Hội nghị thượng đỉnh không chính thức ASEAN lần thứ 2 ở Kuala

⁷ Liu Xueming, “Gezhi zhengyi, gongtong kaifa” (Shelve the disputes and develop jointly) in *Zhongkung Yannan Shengwei Deng Xuebao* (Journal of the Party School of Yunnan Provincial Communist Party Committee) 2 (2001), tr. 21

⁸ Lin Zhong, “Zhonggui yu gongtong kaifa de xueshu tantao.” Tr. 75.

Lumpur tháng 12 năm 1997 đã khẳng định rằng nếu những bất đồng giữa Trung Quốc và ASEAN không thể giải quyết được thì chúng nên được gác lại tạm thời để có thể tìm kiếm những điểm chung.

Thông cáo chung ký bởi Trung Quốc và ASEAN ở hội nghị thượng đỉnh trên tuyên bố rằng cả hai bên đồng ý “không cho phép những bất đồng đang tồn tại ngăn cản sự phát triển mối quan hệ và hợp tác thân thiện.”⁹ Bước đi quan trọng nhất của các nhà lãnh đạo Trung Quốc sau Đặng Tiểu Bình chính là việc ký Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông với ASEAN tại Phnom Penh tháng 11 năm 2002. Mặc dù Tuyên bố không ràng buộc về mặt pháp lý, nó khẳng định rằng “các bên liên quan có thể khai phá hoặc tiến hành các hoạt động hợp tác” trong một số lĩnh vực, hoãn việc giải quyết tranh chấp và Trung Quốc và ASEAN sẽ cùng phối hợp để cho ra bộ nguyên tắc ứng xử ở Biển Đông.¹⁰ Một nhóm làm việc chung bao gồm những cán bộ cấp cao của Trung Quốc và ASEAN lập ra tháng 12 năm 2004 sẽ giúp hiện thực hóa những điều khoản trong Tuyên bố chung.¹¹ Cũng phải chú ý rằng những tuyên bố trên đây chủ yếu là những tuyên bố về ý định và những biện pháp cụ thể cho cùng khai thác giữa Trung Quốc-ASEAN vẫn còn rất khó nắm bắt, mặc dù rất nhiều kiến nghị được đưa ra bởi nhiều bên, đáng chú ý là những đề xuất của hội thảo không chính thức về “Giải quyết những tranh chấp có thể xảy ra tại Biển Đông” do Indonesia tổ chức vào những năm 1990.¹²

Cùng lúc đó, cũng nên chú ý rằng trong khi ý định xem xét những hoạt động hợp tác đã được đưa ra bởi các bên tranh chấp, những sự phát triển ở Biển

⁹ Lee Lai To, *China and the South China Sea Dialogues* (Westport, CT : Praeger Publishers, 1999), tr. 51-52.

¹⁰ Xem www.aseansec.org/13163.htm, truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2008.

¹¹ Xem www.aseansec.org/16888.htm, truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2008

¹² Để biết thêm về hội thảo không chính thức này, xem *Lee Lai To, China and the South China Sea Dialogues*, tr. 59-89.

Đông trong những năm 1980 và 1990 không phải là dấu hiệu tốt cho cùng khai thác. Có sự cạnh tranh giữa các bên tranh chấp để củng cố lập trường đối với các vấn đề đang tranh chấp bằng việc xây dựng bãi đá, hải đăng, cảng cá và phối hợp với các công ty dầu nước ngoài thăm dò dầu và khí ở vùng nước ven biển gần kề. Đối với Trung Quốc và quần đảo Trường Sa, Bắc Kinh đã nỗ lực khẳng định sự hiện diện của mình ở khu vực này từ nửa sau những năm 1980. Do đó, Trung Quốc đụng độ với Việt Nam gần Đá Gạc Ma (Johnson Reef-nd) và đã kiểm soát nhiều bãi đá và đảo nhỏ năm 1988. Thêm vào đó, Trung Quốc giành Bãi Đá Vành Khăn (Mischief Reef-nd), bãi đá này cũng được Phillipines tuyên bố chủ quyền, vào năm 1995 và củng cố việc nắm giữ năm 1998 mặc dù một bộ hành vi ứng xử song phương giữa Bắc Kinh và Manila đã được ký kết năm 1995. Trung Quốc cũng củng cố chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, một nhóm Đảo và đá mà Trung Quốc đã chiếm được năm 1974 từ miền Nam Việt Nam. Trung Quốc đã đóng quân ở đảo Woody, đảo lớn nhất của quần đảo Hoàng Sa. Một đường bay cũng được xây dựng trên đảo này.¹³

Bước sang thế kỷ mới, mặc dù bối cảnh chính trị chung giữa Trung Quốc và ASEAN đã được cải thiện, nhưng theo những phân tích sau đây, quyết tâm theo đuổi những tranh chấp về chủ quyền ở Biển Đông bằng tất cả những phương tiện có thể của Trung Quốc là không giảm sút. Theo một số báo cáo, một kế hoạch phát triển du lịch cho Biển Đông, bao gồm những chuyến thăm Hoàng Sa, đã được thông qua năm 2007.¹⁴ Về mặt hành chính, Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Hải Nam, Trung Quốc. Trong một động thái rõ ràng nhằm nâng cao tầm quan trọng của Biển Đông và các đảo của Trung Quốc, Tam Sa, một thành phố cấp hạt đã được thành lập, đóng tại đảo Woody vào cuối năm 2007. Theo trang web chính thức của Thành phố Tam Sa, bộ phận

¹³ Xem, ví dụ, www.thefreelibrary.com/The+South+China+Sea+disputes:+implication, truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2008.

¹⁴ *China Daily*, ngày 10 tháng 8 năm 2007.

hành chính mới được thành lập bởi Hội đồng Nhà nước Trung Quốc tháng 11 năm 2007. Thành phố này bao gồm quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và bờ sông Macclesfield [TQ: Zhongsha Qundao-nd].¹⁵

Thay đổi môi trường chính trị trong quan hệ Trung Quốc-ASEAN

Mặc dù Biển Đông đang là một vấn đề gai góc trong quan hệ Trung Quốc-ASEAN, vấn đề này không nên được chú ý quá mức bởi nó có thể làm hỏng chương trình nghị sự của Trung Quốc, hoặc ASEAN, bởi hai bên làm việc quá gắn bó với nhau. Thực tế là quan hệ Trung Quốc-ASEAN nhìn chung đã được cải thiện từ những năm 1990. Trong chính sách đối ngoại của mình, Trung Quốc đã chú ý nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có láng giềng thân thiện như là một phần của chiến lược tập trung vào phát triển chính quốc gia này, đáng chú ý nhất là chương trình Bốn Hiện đại hóa. Như vậy, Đông Nam Á và ASEAN, tổ chức khu vực bao gồm tất cả các quốc gia trong khu vực, đương nhiên trở thành một vùng có ý nghĩa quan trọng, không chỉ cho mục tiêu kinh tế mà còn vì lý do an ninh.¹⁶

ASEAN cũng đã có những nỗ lực đầy thận trọng trong quan hệ với Trung Quốc bắt đầu với việc mời Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Điền Kỳ Thâm tham dự Cuộc họp các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN với tư cách khách mời năm 1990. Cuối cùng, Trung Quốc đã trở thành thành viên của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), là đối tác đối thoại của Hội nghị sau Bộ trưởng ASEAN (PMC) và là thành viên của tiến trình ASEAN+3 (APT) vào những năm 1990. Đối với ASEAN, việc thu hút Trung Quốc vào các cuộc đối thoại an ninh và

¹⁵ www.shanshashi.com, truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2008.

¹⁶ Ý sau đây được trích từ Lee Lai To, “ASEAN, China and the East Asian Community,” dịch qua tiếng Trung Quốc ở Chu Yun-han và Jia Qingguo (các ấn bản), *Cong Guoji Guanxi Lilun Kan Zhongguo Jueqi* (An examination of the rise of China from the perspective of international relations theory) (Taipei: Wunan Book Publishing Company, 2007), tr. 262-264

dựa vào chương trình Bốn Hiện đại hóa của nước này là rất quan trọng và hữu ích.

Trên thực tế, việc ASEAN nói về an ninh mà không có sự hiện diện của Trung Quốc là không có ý nghĩa. Rõ ràng là Trung Quốc tiếp thu nhanh những đề xuất của ASEAN. Mặc dù Trung Quốc có xu hướng hợp tác song phương, nước này cũng sẵn sàng tham gia vào các quá trình đa phương của ASEAN. Từ những điều trên có thể kết luận là Trung Quốc hoàn toàn thoải mái với đường lối của ASEAN. Việc ASEAN luôn nhấn mạnh cách tiếp cận liên ứng và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau rất phù hợp với đường lối của Trung Quốc. Cách tiếp cận liên ứng cho phép Trung Quốc dần dần đi vào các vấn đề an ninh và phủ quyết bất kỳ động thái nào được xem là quá vội vàng hoặc ảnh hưởng xấu đến lợi ích quốc gia của Trung Quốc. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ thì rõ ràng trùng hợp với niềm tin tôn giáo của Trung Quốc trên thực tế.

Trung Quốc cũng có thể thấy quan hệ của nước này với ASEAN dễ kiểm soát hơn quan hệ với Mỹ và các chủ thể khác trong chính trị quốc tế. Và cũng có vẻ như ASEAN cũng đã quan tâm đúng mức đến vị thế của Trung Quốc trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Theo đó, Trung Quốc sẵn sàng ủng hộ ASEAN với tư cách là động lực cho ARF, APT, và sau đó là Hội nghị thượng đỉnh Đông Á và Cộng đồng Đông Á đang nằm trong dự thảo. Tuy nhiên, khi tham gia vào cơ chế đa phương do ASEAN dẫn đầu, Trung Quốc nhấn mạnh rằng các tranh chấp về chủ quyền trên Biển Đông sẽ không được thảo luận ở những diễn đàn hay hội nghị như vậy nhằm tránh việc quốc tế hóa các tranh chấp. Tuy nhiên, Trung Quốc không phản đối việc thảo luận các vấn đề liên quan đến hòa bình và ổn định của khu vực trong các hội nghị khu vực và quốc tế nói trên.¹⁷

¹⁷ Lee Lai To, *China and the South China Sea Dialogues*, tr. 51-52.

Thêm vào đó, cũng phải chú ý rằng Trung Quốc đã được xem là giúp ích được cho ASEAN trong lĩnh vực tài chính và kinh tế. Đáng chú ý nhất là Trung Quốc đã không làm mất giá đồng nhân dân tệ sau cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á nhằm làm giảm các thách thức kinh tế và tài chính đối với các quốc gia Đông Á láng giềng. Quan trọng hơn, Trung Quốc đã có những nỗ lực cần trọng trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư gần gũi hơn với ASEAN trong khi ASEAN vốn không phải là đối tác kinh tế chính của nước này, đặc biệt khi so sánh với Mỹ, Nhật Bản và Liên minh châu Âu. Tỷ lệ ngoại thương của Trung Quốc với ASEAN đã tăng từ một con số lên hai con số (11%) vào năm 2003. Quan trọng hơn cả, Trung Quốc, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Chu Dung Cơ, đã là quốc gia đầu tiên ký kết Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện tháng 11 năm 2001, lập khu vực thương mại tự do với tên gọi Khu vực Thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) trong vòng mười năm. Trong lĩnh vực an ninh, dường như Trung Quốc đã làm nhiều hơn cho ASEAN tại thời điểm bước sang thế kỷ mới. Một trong số những dẫn chứng cho điều này là việc ký kết Tuyên bố chung Trung Quốc-ASEAN về Hợp tác trong lĩnh vực các vấn đề an ninh phi truyền thống, và một tuyên bố liên quan đến chương này hơn, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông. Ngoài ra, Trung Quốc là cường quốc đầu tiên ngoài khu vực Đông Nam Á tham gia Hiệp định Hữu nghị và Hợp tác ở Đông Nam Á năm 2003 và trở thành đối tác chiến lược của ASEAN với việc ký Tuyên bố chung giữa nguyên thủ quốc gia các nước ASEAN và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về Quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng cùng trong năm này. Cuối cùng, các cuộc tham vấn đang được thực hiện về việc liệu Trung Quốc có tham gia Nghị định thư về Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á phi vũ khí hạt nhân hay không.

Mặc dù các thỏa thuận về an ninh nêu trên có thể phải có thời gian để có hiệu lực, chúng thể hiện sự sẵn sàng hợp tác với ASEAN của Trung Quốc và ngược lại với việc gác lại những bất đồng trong quá khứ và cùng nhau hướng tới một nền an ninh mang tính hợp tác. Cũng có thể thấy rằng, mặc dù ASEAN không phải là một cường quốc lớn và vẫn có sự cạnh tranh về thị

trường và đầu tư nước ngoài giữa Trung Quốc và ASEAN, Bắc Kinh đang có những động thái cẩn trọng và chiến lược nhằm nhấn mạnh và nâng cao tầm quan trọng của ASEAN. Trung Quốc đang sử dụng sức mạnh kinh tế mới hình thành của mình để đưa ASEAN vào phạm vi sức mạnh của mình, và nếu có thể, làm cho ASEAN không còn phụ thuộc nhiều vào phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Nếu điều này là có thật, bằng cách nào và đến mức nào Trung Quốc sẽ hiện thực hóa kế hoạch cùng khai thác đối với các quốc gia ASEAN khác trong tranh chấp ở Biển Đông trong thế kỷ 21?

Những dấu hiệu đầu tiên cho thấy rằng Trung Quốc đang từng bước thực hiện chính sách cùng khai thác với các quốc gia tranh chấp khác trong lĩnh vực thăm dò dầu và khí. Điều này được thể hiện bằng các kế hoạch liên doanh giữa Trung Quốc và Philippines ở Trường Sa năm 2004 và giữa Trung Quốc và Việt Nam ở vịnh Bắc Bộ bắt đầu vào năm 2005. Quan trọng hơn, có lẽ Trung Quốc đã đồng ý với Philippines và Việt Nam về việc tiến hành khảo sát địa chất ở một số vùng ở Trường Sa trong vòng ba năm bắt đầu từ năm 2005. Liệu những kế hoạch cùng khai thác ban đầu này có giúp thúc đẩy những dự án hợp tác vì lợi ích chung hay không? Nhắc tới việc thăm dò dầu và khí chung với các bên tranh chấp khác, hoặc về an ninh năng lượng của ở Biển Đông, quan điểm và những mối quan ngại của Trung Quốc trong môi trường khu vực và quốc tế mới như được phân tích trước đây là gì?

Quan điểm và những mối quan ngại của Trung Quốc

Theo chính sách “gác lại tranh chấp, tiến hành cùng khai thác” trong giải quyết vấn đề Trường Sa, như được nhắc đến trên đây, hai sự đồng thuận cơ bản có vẻ như đã xuất hiện ở Trung Quốc trong thời kỳ sau Đặng Tiểu Bình. Sự đồng thuận thứ nhất là Trung Quốc có quyền chủ quyền không thể tranh

cãi đối với Biển Đông từ góc nhìn lịch sử và luật quốc tế.¹⁸ Sự đồng thuận thứ hai là, với điều kiện Trung Quốc sẽ theo đuổi những tuyên bố chủ quyền của mình nếu và khi vấn đề này được đưa ra, Trung Quốc xem cùng khai thác là chính sách khả thi nhất để giải quyết tranh chấp Hoàng Sa.¹⁹ Đối với sự đồng thuận thứ hai, phải chú ý rằng đây là một định hướng rất chung chung và mơ hồ, và có thể có rất nhiều quan điểm về định hướng này, trong đó một vài quan điểm khó nhận thấy hơn các quan điểm khác trong nội tại Trung Quốc. Về vấn đề này, sẽ là hữu ích nếu xem xét quan điểm của giới lãnh đạo trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP) và chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng này như quân đội, chính quyền địa phương và các công ty dầu lớn ở Trung Quốc. Mặc dù giới lãnh đạo trung ương có vai trò quan trọng trong việc quyết định và điều chỉnh các chính sách của Trung Quốc về vấn đề Biển Đông, và các chủ thể khác như quân đội, chính quyền địa phương và các công ty dầu liên quan, thực hiện những chính sách này, những chủ thể khác này cũng có thể thể hiện quan điểm, ý tưởng và các mối quan ngại ảnh hưởng đến việc đưa ra chính sách của trung ương. Bởi vì những động thái đầu tiên đối với việc cùng khai thác chủ yếu là về lĩnh vực năng lượng, nên phần còn lại của chương này sẽ tập trung vào quan điểm của Trung Quốc về năng lượng, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến an ninh năng lượng.

Giới lãnh đạo trung ương Trung Quốc có ít nhất hai mối quan ngại về vấn đề phân loại an ninh năng lượng của Biển Đông đối với Trung Quốc. Mối quan ngại thứ nhất liên quan đến kết quả của sự tăng trưởng GDP hai con số trong hai thập niên vừa qua, đó là mối quan tâm mới nổi lên của Trung Quốc đến

¹⁸ Xem, ví dụ, “The issue of South China Sea,” một tuyên bố do Bộ Ngoại giao Trung Quốc đưa ra tháng 6 năm 2000 tại www.fas.org/news/china/2000/china000600.htm, truy cập ngày 9 tháng 3 năm 2008.

¹⁹ Xem, ví dụ, Shijun Li, “Woguo de Xisha, Nansha, Zhongsha Qundao” (China’s Paracels, Spratlys, and Macclesfield Banks), *Hainan Tongji* (Hainan Statistics), tháng 6 năm 1996, có thể xem tại www.nansha.org.cn/publications/2/05.htm, truy cập ngày 9 tháng 3 năm 2008.

tài nguyên nhiên liệu hóa thạch, cụ thể là dầu. Thực tế là từ năm 1993, Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu. Để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của mình, Bắc Kinh đã cố gắng mở rộng nguồn cung cấp dầu và khí ở trong nước và nước ngoài bằng mọi phương tiện có thể. Trung Quốc cũng đã cố gắng nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng. Giới lãnh đạo Trung Quốc đã từ lâu muốn trở thành quốc gia tự cung tự cấp trong sản xuất năng lượng.²⁰ Theo đó, khai thác các nguồn tài nguyên dầu và khí trong nước được xem là một cách đảm bảo an ninh năng lượng của quốc gia này. Bởi đa số nguồn dầu gần bờ ở phía Đông Trung Quốc đã quá lâu đời và bắt đầu giảm sút sản lượng, từ cuối những năm 1990 hay thậm chí sớm hơn, Bắc Kinh đã chuyển mối quan tâm qua thăm dò năng lượng ở phía tây Trung Quốc và các vùng xa bờ.²¹ Đối với năng lượng xa bờ, vùng nước ven biển Trung Quốc được cho là có tiềm năng lớn về dầu và khí chất lượng cao và ở gần với các trung tâm tiêu thụ. Dầu và khí thô từ Trung Quốc sẽ đóng vai trò quan trọng hơn trong việc cân bằng năng lượng trong tương lai gần.

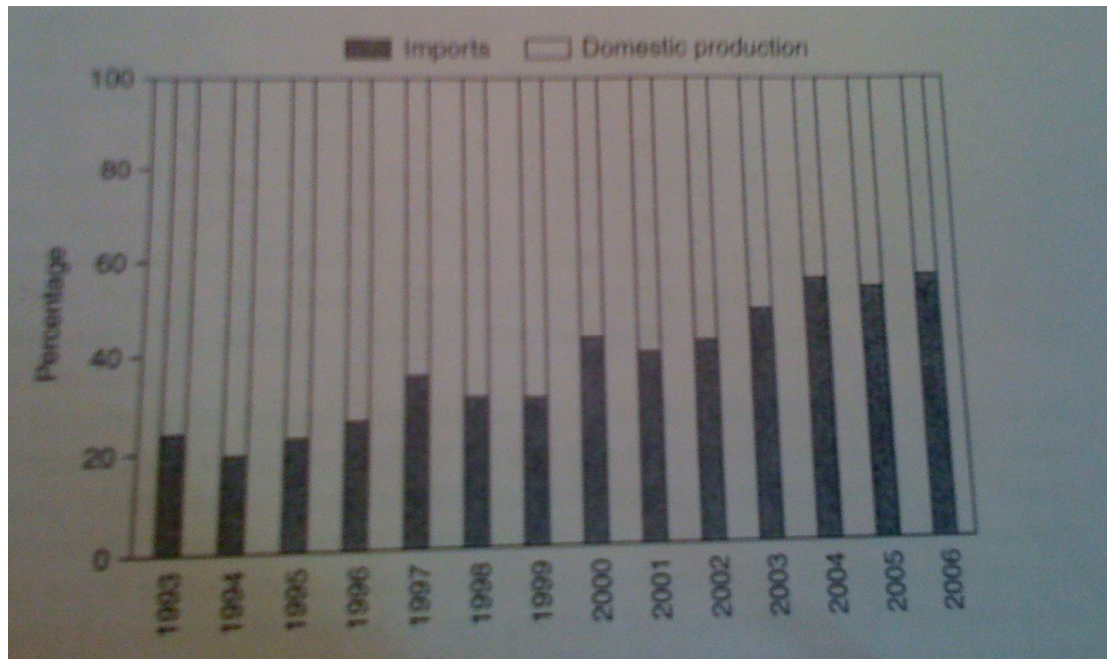
Biển Đông được một số người Trung Quốc miêu tả là “Vịnh Ba Tư thứ hai” bởi Biển Đông được cho là vùng sở hữu nguồn tài nguyên dầu, khí và chất đốt dồi dào. Theo Bộ Đất đai và Tài nguyên Trung Quốc, có hơn 200 cấu trúc dầu và các chất tương tự khí và 180 điểm khai thác dầu và khí ở Biển Đông. Trữ lượng dầu ở các điểm khai thác nói trên được ước tính có thể đạt 23 đến 30 tỉ tấn, chiếm một phần ba tổng tài nguyên dầu và khí của Trung Quốc.²²

²⁰ Erica S. Downs, “The Chinese Energy Security Debate.” *China Quarterly* 177 (tháng 3, 2004), tr. 24-29.

²¹ “Li Peng Zongli tan Zhongguo shiyou gongye de fazhan” (Thủ tướng Lý Bằng nói về sự phát triển của nền công nghiệp dầu Trung Quốc), *Liaowang* (Outlook) 41 (13 tháng 10 năm 1997), tr. 4-5.

²² Jia Quanxin, “Zhongguo Nanhai Shiyong chuliang keguan, Zhonghaiyou Meiguo Danwen xieshou kaifa” (trữ lượng dầu ở Biển Đông có triển vọng khai thác rất lớn, CNOOC đã hợp tác với công ty dầu Daven của Mỹ để phát triển tiềm năng này), *Zhongguo Xinwenshe* (China News Agency), 7 tháng 12 năm 2005, có thể xem tại www.chinanews.com.cn/2005/2005-12-07/8/661981.shtml, truy cập ngày 5 tháng 3 năm 2008.

Trữ lượng dồi dào về chất đốt, một nguồn năng lượng sạch mới sẽ được khai thác trong tương lai, cũng đã được phát hiện ở khu vực này.²³ Những dự đoán lạc quan này chắc chắn đã củng cố lập trường vững chắc của Trung Quốc đối với vấn đề Biển Đông.



Hình 10.1: Nhập khẩu dầu của Trung Quốc, 1993-2006

Bảng 10.1 Những nguồn nhập khẩu dầu thô chính của Trung Quốc

Vùng	1995	2003

²³ “Xin kangtan jieguo xianshi-Nanhai keranbing chuliang da lushang shiyou yibang” (New prospecting results show-reserves of Combustible ice reach one half of onshore oil reserves in South China Sea), *Zhongguo Shiyou Wang* (China Oil News), ngày 18 tháng 3 năm 2004, có thể xem tại www.cnooc.com.cn/zhyww/xwygg/208290.shtml, truy cập ngày 9 tháng 3 năm 2008.

Trung Đông	43,3 %	47,2 %
Châu Phi	7,2 %	30,2 %
Đông Nam Á	38,8 %	7,4 %
Trung Á và Nga	0,2 %	11,1 %
Nam Mỹ	0,0 %	3.4 %
Các vùng khác	10,5 %	4.0 %
Tổng	100 %	100 %
Tổng nhập khẩu (tỉ tấn)	17,079	126818

Nguồn: số liệu năm 1995: ban biên tập niên giám Quan hệ Đối ngoại Kinh tế và Thương mại Trung Quốc, Almanac of China's Foreign Economic Relations and Trade 1997/98, Beijing: China National Economy Publishing House Economic Information & Agency, 1997; số liệu năm 2005: Ban biên tập niên giám Thương mại Trung Quốc, China Commerce Yearbook 2007, Beijing: China Commerce and Trade Press, 2007.

Mối quan ngại thứ hai liên quan đến ảnh hưởng của Biển Đông đối với an ninh vận chuyển năng lượng của Trung Quốc. Như được thể hiện ở hình 10.1, tỷ lệ nhập khẩu dầu trong tổng lượng dầu tiêu thụ ở Trung Quốc đã tăng từ 43% năm 2000 lên đến 56% năm 2006. Nhập khẩu dầu từ Trung Đông và châu Phi tăng mạnh từ 50% lên 77% trong tổng lượng dầu nhập khẩu lần lượt trong các năm 1995 và 2005 như được thể hiện trong Bảng 10.1. Người ta ước tính rằng 70% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc phải vượt qua eo biển Malacca và đi theo các đường biển ở Biển Đông. Theo một vài nguồn tin

từ Trung Quốc, gần 60% số lượng các tàu đi qua vùng biển này mỗi ngày là tàu Trung Quốc.²⁴ Với lượng dầu nhập khẩu ngày càng tăng và sự lệ thuộc ngày càng lớn đối với đường biển, Biển Đông có vai trò hết sức quan trọng đối với an ninh năng lượng của Trung Quốc. Cũng như Nhật Bản và một số quốc gia nhập khẩu dầu khác, con đường này được xem như đường máu của Trung Quốc và sự an toàn trong việc vận chuyển dầu của Trung Quốc sẽ bị đe dọa nếu Biển Đông bị kiểm soát bởi các quốc gia khác.²⁵

Để bảo vệ an ninh giao thông liên lạc đường biển, phục vụ cho việc nhập khẩu dầu của chính quốc gia mình, Trung Quốc đã tìm kiếm các con đường thay thế khác. Đáng chú ý là Trung Quốc đang xem xét việc xây dựng các cảng có thể giúp vận chuyển dầu. Những cảng đang được xây dựng với sự giúp đỡ và cố vấn từ Trung Quốc bao gồm cảng Gwadar ở Pakistan, cảng Shitite ở Myanmar, cảng Chittagong ở Bangladesh và cảng Hambantota ở Srilanka.²⁶ Ngoài ra, Trung Quốc cũng quan tâm đến việc xây dựng kênh Kra ở Thái Lan.²⁷

²⁴ Xem, ví dụ, Wang Yiwei, “Yuan you jin lu kunrao Zhongguo shiyou, 2020 nian duiwai yicundu jiejin 60 percent” (Worrying about China’s oil, foreign dependency rate approximates 60 percent by 2020), *Zhongguo Gongshan Shibao (China Business Times)*, 27 tháng 8, 2004, có thể xem tại http://news.xinhuanet.com/fortune/2004-08/27/content_1897776.htm, truy cập ngày 16 tháng 3 năm 2008.

²⁵ “Pinglun: Mei yu kongzhi Maliujia, nanhai hui fasheng chongtu?” (Review: The US wants to control the Strait of Malacca, Will any conflict come about in the South China Sea), *Guofang Zhishi Bao (National Defense Knowledge)*, 13 tháng 4, 2004; Du Wenlong and Shi Zhikun. “Nansha qundao-yaoyuan de lanse guotu” (The Spratly Islands, Our distant blue territory), *Bingqi Zhishi (Weaponry Knowledge)*, 1 (2008), tr. 25-28.

²⁶ Bill Gertz, “China Builds up Strategic Sea-Lanes,” *Washington Times*, 18 tháng 1 năm 2005.

²⁷ Xem, ví dụ, Franz Schurmann, “China’s Demand for Oil May Make Thailand Canal a Reality,” at http://news.pacificnews.org/news/view_article.html?article_id=101ae63f, truy cập ngày 10 tháng 3 năm 2008.

Xem xét tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với an ninh năng lượng, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia của Trung Quốc, rõ ràng là Trung Quốc sẽ không từ bỏ những yêu sách về chủ quyền ở Biển Đông. Ngoài ra, chủ nghĩa dân tộc đang lên của người Trung Quốc, đặc biệt khi nhắc đến vấn đề lãnh thổ, sẽ làm giới lãnh đạo trung ương trở nên thận trọng trong việc nhượng bộ đối với những tranh chấp về biển. Theo Trung Quốc, nguyên nhân chính cho việc các quốc gia Đông Nam Á, mà đặc biệt là Việt Nam đòi chủ quyền ở Biển Đông và thay đổi lập trường trước đây, không tiếp tục thừa nhận chủ quyền hợp pháp của Trung Quốc trên Biển Đông là nguồn lợi dầu và khí.²⁸

Về vấn đề quân đội Trung Quốc, Quân giải phóng nhân dân (PLA) là thế lực đứng sau chính phủ Trung Quốc trong việc khẳng định chủ quyền đối với Biển Đông. Tất nhiên luôn có những quan điểm ủng hộ cùng khai thác ở Trường Sa. Tuy vậy, cũng có những thế lực điều hâu khác ủng hộ việc sử dụng vũ lực để giành lại Trường Sa. Đây cũng chính là một phương pháp được Đặng Tiểu Bình đề xuất. Những người thuộc phe điều hâu khó mà chấp nhận sự thật rằng các nước khác cũng đang rất chú ý khai thác dầu và khí từ những nguồn mà họ cho là thuộc lãnh thổ Trung Quốc.²⁹ Thực tế là Lưu Hoa Thanh, khi còn là Phó Chủ tịch Ủy ban Quân sự thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã muốn phát triển hải quân Trung Quốc. Cụ thể, vào đầu những năm 1990, ông đã khẳng định rằng, đối với Trung Quốc, nơi có khả năng xảy ra chiến tranh nhất trong vòng 10 năm tới là Biển Đông, và do đó Trung Quốc cần có các tàu chuyên chở chiến đấu. Ông Lưu nhấn mạnh rằng một lực lượng tàu chuyên chở chiến đấu không phải là để đấu với Mỹ hay Nga, mà là để chiến đấu với Đài Loan và trong những xung đột về lãnh thổ ở Biển Đông và để bảo vệ những quyền lợi về biển của Trung

²⁸ Tan Zaiwen, “Nanhai gongtong kaifa de guoji zhengzhi jingjixue” (International political economy of the joint development in South China Sea), *Nanyang Wenti Yanjiu* (South East Asian Affairs) 3 (2005), tr. 10.

²⁹ Xem, ví dụ, Du Wenlong and Shi Zhikun, “Nansha qundao-yaoyuan de lanse guotu.”

Quốc.³⁰ Với việc tăng cường ngân sách cho quân sự những năm gần đây, không hề ngạc nhiên là đã có những lời kêu gọi cho việc đổ thêm tiền để hiện đại hóa hải quân Trung Quốc, bao gồm cả việc xây dựng các tàu chuyên chở chiến đấu để bảo vệ an ninh năng lượng và hoạt động kinh doanh ở nước ngoài và các hoạt động khác của Trung Quốc.³¹

Cuối cùng, phải chú ý rằng một vài chính quyền địa phương ở Trung Quốc, cụ thể là những tỉnh tiếp giáp biển Đông như Hải Nam, vùng tự trị Quảng Tây, và các công ty dầu Trung Quốc rất muốn tiến hành khai thác và sản xuất dầu ở Biển Đông. Thực tế, những mong muốn trên càng trở nên mạnh mẽ trong bối cảnh những thỏa thuận Trung Quốc-ASEAN được ký kết nhằm thiết lập ACFTA trong vòng mười năm như đã được nhắc đến trước đây cùng với việc giá dầu ngày càng tăng. Hải Nam và vùng tự trị Quảng Tây, hai tỉnh ven bờ Biển Đông, là những tỉnh sẽ phải chịu ảnh hưởng nếu mâu thuẫn và căng thẳng xảy ra ở Biển Đông. Những tranh chấp này không những ngăn cản giới lãnh đạo trung ương Trung Quốc chấp thuận những kế hoạch phát triển đầy tham vọng mà còn làm giảm đầu tư nước ngoài. Được ủy quyền quản lý một số phần của Biển Đông, Hải Nam và Quảng Tây đã cố gắng tận dụng nguồn dầu và khí xa bờ để nâng tầm phát triển kinh tế của tỉnh. Thực tế, đối với trường hợp của Hải Nam, nguồn năng lượng sản xuất xa bờ đã giúp tỉnh này tự cung tự cấp về dầu và khí. Hải Nam có tham vọng trở thành trung tâm hóa

³⁰ “nanhai wenti de yuanyin ji muqian de Nanhai jushi” (Sources of South China Sea problem and the current situation on the South China Sea)” tại www.smxpt.cn/dyw/Article_Show.asp?ArticleID=271, truy cập ngày 10 tháng 3 năm 2008, không có tác giả.

³¹ Xem, ví dụ, Du Wenlong and Shi Zhikun, “nansha qundao-yaoyuan de lanse guotu”; Mengxia Wang, “Haiyang quanyi’yige mingan er chenzhong de huati”(Marine rights: a sensitive but distressing topic), *Zhongguo Chuanjian* (China Ship Survey) (tháng 4 năm 2004), tr. 4-7; “Zhonghe pingshu” Comprehensive Review), *Xiandai Jianchuan* (Modern Vessel) 12 (2004), tr. 4-7; Lu Xiangyang, “Fenu hou de sisuo! Qian tan Woguo haiyang quanyi de baohu” (Reflections after anger: Preliminary analysis of protecting China’s marine rights), *Shipborne Weapons* (tháng 10, 2004), tr. 12-16.

dầu của Trung Quốc. Là tỉnh được Trung Quốc giao quản lý đa số phần Biển Đông, Hải Nam sẽ là bên có lợi nhất nếu các dự án cùng khai thác có thể được tiến hành trong khu vực. Về vấn đề này, Hải Nam đã đề xuất lên Quốc hội Trung Quốc năm 2002 là Trung Quốc nên đưa ra một kế hoạch toàn diện để phát triển Biển Đông.³² Đảo này xem việc duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông là có lợi cho việc phát triển năng lượng chung. Do đó, Hải Nam rất hoan nghênh việc ký Hiệp định giữa ba quốc gia Trung Quốc, Việt Nam và Philippines trong việc tiến hành khảo sát địa chất chung trên Biển Đông và người đứng đầu đảo Hải Nam, ông Vệ Lưu Thành đã phát biểu tại Diễn đàn Boao năm 2005 rằng Hải Nam sẵn sàng đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy hợp tác năng lượng vùng và liên khu vực.³³

Tương tự, Quảng Tây cũng rất tích cực trong việc thúc đẩy cùng khai thác trên Biển Đông bởi đây là vùng gần nhất với Đông Nam Á về mặt địa lý. Vùng này đang thúc đẩy việc thành lập Chương trình hợp tác kinh tế vùng vịnh Bắc Bộ mở rộng bao gồm Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippines và Brunei. Đề xuất của Trung Quốc, nhắc đến tất cả các quốc gia tranh chấp, là một phần của nỗ lực phát triển vùng ven biển thành nhà máy năng lượng của Trung Quốc.³⁴ Được tán thành bởi chính phủ Trung Quốc, đề xuất sẽ bao gồm những hoạt động hợp tác trong lĩnh vực năng lượng biển, môi trường biển và hoạt động kết nối các cảng, v.v... giữa các quốc gia Biển Đông.

³² “Jinnian Renda shoudao she hai yu’an er shi si jian” (People’s Congress received 24 sea-related proposals this year), *Zhongguo Haiyang Bao* (China Oceans Newspaper), 19 tháng 3 năm 2002.

³³ Pu Yuntong, “Wei Liucheng:Hainansheng ke wei Nanhai nengyuan hezuo duihua tigong pingtai” (Wei Liucheng: Hainan can provide platform for energy cooperation and dialogue in the South China Sea), *Xinghua Wang*, 22 tháng 4 năm 2005, có thể thấy tại www.cnooc.com.cn/zhy.

³⁴ Li Mingjiang, “Making a ‘lake’ of South China Sea,” *Straits Times*, 15 tháng 1 năm 2008.

Đối với các công ty dầu Trung Quốc, Công ty Dầu khí Ngoài khơi Quốc gia Trung Quốc (CNOOC) là nhân vật chính trong sản xuất dầu xa bờ. Được thành lập năm 1992 với mục đích thu hút đầu tư nước ngoài, CNOOC đã độc quyền hóa quyền khai thác và sản xuất dầu xa bờ cho đến gần đây. Những nhà đầu tư nước ngoài được phép tham gia vào việc khai thác và sản xuất dầu xa bờ với điều kiện là họ phải hợp tác với CNOOC. Những khai thác và sản xuất ban đầu ở Biển Đông do CNOOC và các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành mang lại kết quả khá là đáng thất vọng. Việc khai thác và sản xuất sau đó của CNOOC phần lớn tập trung vào vùng nước nông ven bờ, đáng chú ý là những vùng ở vịnh Bắc Bộ và phía nam vùng lòng chảo sông Châu Giang. Tuy nhiên, với những báo cáo đầy lạc quan về triển vọng khai thác dầu ở Biển Đông, nhất là báo cáo của Bộ Đất đai và Tài nguyên Trung Quốc, như đã nhắc tới ở trên, thì việc CNOOC có những quyền lợi mới khi tham gia khai thác sâu và sản xuất dầu ở Biển Đông là hoàn toàn tự nhiên.

Có những lý do để cho rằng CNOOC tiếp thu nhanh việc cùng khai thác với các quốc gia tranh chấp. Trước hết, CNOOC không có các phương tiện kỹ thuật dưới nước ngay cả sau nhiều năm hợp tác với các công ty dầu. Vào khoảng năm 2005, CNOOC bị cho là không thể thăm dò dầu ở độ sâu hơn 350m.³⁵ Do đó, CNOOC phải phụ thuộc vào các công ty nước ngoài nếu muốn khai thác và sản xuất dầu ở dưới nước sâu. Tuy nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài lại thấy việc đầu tư vào vùng đang tranh chấp ở Biển Đông là quá mạo hiểm. Ví dụ, CNOOC ký hợp đồng với công ty Năng lượng Creston trụ sở ở Denver để khai thác dầu ở phía đông nam quần đảo Trường Sa (Lô 21-Wan'an Bei) vào năm 2002. Vùng này chồng lấn với vùng đã được Việt Nam giao cho ConocoPhillips. Cuối cùng, không có hợp đồng nào tiếp tục được.³⁶

³⁵ “Zhonghaiyou lianshou Mei Jia gongsi kaifa Nanhai youtian” (CNOOC collaborated with American and Canadian companies to develop oilfields in SCS), Guoji Shang bao (International Business Newspaper), 13 tháng 12 năm 2005

³⁶ Alan Boyd, “South China Sea: It’s not all about oil.” *Asian Times*, 6 tháng 9 năm 2003.

Do đó, việc cùng khai thác giữa các quốc gia tranh chấp sẽ giúp xoa dịu các mối quan ngại của nhà đầu tư, mặc dù việc cùng khai thác cũng phải đưa ra các công thức chia sẻ chiến lợi phẩm.

Thứ hai, các bên tranh chấp, trừ Trung Quốc đã khoan hơn 1000 giếng dầu ở Trường Sa cho đến cuối những năm 1990. Rõ ràng là các bên tranh chấp đó đã thu một nguồn lợi kinh tế khổng lồ từ hàng trăm triệu tấn dầu thô được sản xuất hàng năm. Tuy nhiên, cho đến hiện tại Trung Quốc vẫn không nhận được một giọt dầu nào từ Trường Sa và các công ty dầu Trung Quốc đã bị các bên tranh chấp như Việt Nam, Malaysia cấm đầu thầu các hợp đồng khai thác và sản xuất dầu. Do đó, cùng khai thác ở Trường Sa hi vọng sẽ cho các công ty dầu Trung Quốc, đặc biệt là CNOOC một cơ hội chia sẻ nguồn tài nguyên năng lượng ở Trường Sa.

Thứ ba, về mọi mặt, chính phủ Trung Quốc muốn thúc đẩy sản xuất dầu và khí xa bờ. Theo CNOOC, trữ lượng dầu xa bờ và tài nguyên khí của Trung Quốc lần lượt là 27,53 tỉ tấn và 10,600 tỉ mét khối. Tuy nhiên, tỷ lệ phát hiện lần lượt chỉ là 18,5% và 9,2%. Do đó, dầu xa bờ, bao gồm dầu ở Biển Đông, có thể là nguồn năng lượng chính cho Trung Quốc.³⁷ Để khuyến khích việc khoan giếng dầu xa bờ, Tập đoàn dầu khí Trung Quốc (CNPC) và Tập đoàn hóa dầu Trung Quốc (Sinopec) đã được cấp giấy phép khai thác và sản xuất dầu vào năm 2004. Đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh hơn, CNOOC đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm duy trì vị trí dẫn đầu trong khai thác và sản xuất dầu xa bờ. Một trong những biện pháp quan trọng nhất là quyết định nâng cấp kỹ thuật và năng lực khai thác ở nước sâu. CNOOC dự kiến chi 10 tỷ nhân dân tệ phát triển hạ tầng khai thác dầu ở vùng nước sâu năm 2007 và thiết bị khai thác vùng nước sâu đầu tiên dự kiến sẽ sẵn sàng hoạt động vào

³⁷ CNOOC, “Woguo zixing sheji jianzao dunwei fushi shengchan chuyouchuan wenshi” (“The largest floating production oil tanker designed and manufactured by China was in place”), 9 tháng 6 năm 2004, có thể xem tại www.cnooc.com.cn.

năm 2010.³⁸ Với tình hình khai thác và sản xuất dầu trên cạn cũng như ở vùng nước nông ngày càng khó khăn, trong khi kỹ thuật khai thác ở vùng nước sâu ngày càng tân tiến, có vẻ như CNOOC hiện đang muốn phát triển khả năng khoan dầu và khí ở vùng nước sâu. Điều này đặc biệt đúng trong bối cảnh giá dầu tăng cao và những vùng biển sâu đang được cho là những vùng chủ yếu có thể tìm thấy trữ lượng lớn dầu và khí trong tương lai. Tuy nhiên, CNOOC có thể sẽ không muốn khai thác và sản xuất một mình ở Biển Đông vì có quá nhiều tuyên bố chủ quyền ở vùng này. Thay vào đó, sẽ tốt hơn nếu CNOOC cùng tham gia cùng khai thác với các công ty dầu khác của các quốc gia đang tranh chấp nhằm làm dịu bớt căng thẳng và, có lẽ quan trọng hơn, chia sẻ những nguy cơ về đầu tư và tài chính trong khai thác và sản xuất dầu ở vùng nước sâu.

Phát triển chung ở Biển Đông trong thế kỷ 21?

Trước khi xem xét những động thái của Trung Quốc nhằm tiến hành việc cùng khai thác ở Biển Đông, cần đặt ra câu hỏi là liệu Trung Quốc có sử dụng vũ lực để lấy lại những vùng mà nước này tuyên bố chủ quyền không, trong khi Trung Quốc luôn cho là nước này có quyền chủ quyền đối với Biển Đông, cũng như luôn nhận thức được tầm quan trọng chiến lược và nguồn tài nguyên dồi dào của quần đảo Trường Sa. Cũng có thể nhắc lại rằng đó thật sự là một lựa chọn đã từng được Đặng Tiểu Bình và những người thuộc phe điều hâu nghĩ đến, như đã nhắc tới trước đây. Thực tế, Trung Quốc đã sử dụng vũ lực để chiếm Hoàng Sa năm 1974 và đã có những cuộc giao tranh nhỏ nhằm mục đích thiết lập sự kiểm soát của Trung Quốc đối với một vài đảo thuộc quần đảo Trường Sa và một số đảo san hô vòng xảy ra vào những năm 1980, 1990.

³⁸ “Zhongguo shiyue jiang shouci duli kang you” (China would independently conduct oil exploration in deep sea in October), *Beijing Chenbao* (Beijing Morning Daily), 20 tháng 8 năm 2007.

Cùng với sự kiểm soát vững chắc và liên tục được củng cố của Trung Quốc tại Hoàng Sa cũng như sự hiện diện của nước này tại Trường Sa, đã có những tranh cãi rằng không nhiều khả năng là Trung Quốc sẽ dùng vũ lực để giành lại Trường Sa trong tương lai gần. Hầu hết, nếu không phải là tất cả các đảo nhỏ, đảo san hô vòng và bãi đá có thể chiếm được đều đã bị chiếm đóng bởi các quốc gia tranh chấp khác nhau. Quan trọng hơn, quan hệ Trung Quốc-ASEAN trở nên tốt đẹp hơn bao giờ hết kể từ Thế chiến II và Trung Quốc muốn duy trì một không khí hòa bình và quan hệ thân thiện với các quốc gia láng giềng và khu vực để có thể tập trung phát triển kinh tế, do đó Trung Quốc ít có khả năng mở một cuộc thám hiểm để giành lại Trường Sa. Ngay cả một chiến dịch “nhanh, chính xác và không thương xót” như được ủng hộ bởi phe điều hâu cũng có thể làm căng thẳng thêm mối quan hệ không chỉ với các bên tranh chấp liên quan mà còn đối với “quan hệ đối tác chiến lược” Trung Quốc-ASEAN.³⁹ Việc sử dụng vũ lực cũng có thể lôi kéo các cường quốc ngoài khu vực vào như Mỹ, Nhật Bản; Nhật Bản quan tâm đến việc giữ gìn hòa bình và ổn định ở Biển Đông vì những mục đích riêng của nước này. Cuối cùng, việc sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp Biển Đông có thể là cái cớ cho những ai đã từng nói về “mối đe dọa Trung Quốc” bảo vệ lập luận của mình. Nó sẽ gây ảnh hưởng xấu đối với hình ảnh của Trung Quốc và sẽ ngăn cản quá trình “trỗi dậy hòa bình” của quốc gia này.

Cũng phải chú ý rằng khả năng dự đoán không thật xuất sắc của PLA, ít nhất ở thời điểm này, điều đó sẽ ảnh hưởng đến thành công của Trung Quốc trong việc khởi đầu chiến dịch quân sự vào Trường Sa.⁴⁰ Ngay cả khi Trung Quốc

³⁹ Để biết thêm thông tin về phe điều hâu, xem, ví dụ, Zhongguo Heping Luntan (China Peace Forum), “Zhongguo shifou yinggai zai Nanhai duì Yuenan dongshou? (Should China taken action against Vietnam in the South China Sea)” tại <http://forum/China.com.cn/CIICBBS/read.php?tid=287037>, truy cập ngày 12 tháng 3 năm 2008.

⁴⁰ Lu Minghui, “Nanhai zhengduan yu Dongnanya guojia de kuojun” (South China Sea dispute and military expansion of South East Asian countries), *Nanyang Wenti Yanjiu* (South East Asian Affairs) 4 (2006), tr. 35-42.

có thể dùng vũ lực để đòi lại nhiều đảo nhỏ và bãi đá hơn, Trung Quốc cũng sẽ gặp phải những khó khăn đáng kể, cả về mặt quân sự lẫn tài chính trong việc duy trì và quản lý các đảo và bãi đá nói trên, bởi Trường Sa cách xa Trung Quốc và diện tích phù hợp cho con người sinh sống là rất hạn chế.

Thêm vào đó, phải lưu ý rằng khi nhắc đến vấn đề toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền, mối quan tâm chính của Trung Quốc là vấn đề Đài Loan. Trong khi Đài Loan và Biển Đông được xem là lãnh thổ của Trung Quốc, Trung Quốc rõ ràng ưu tiên cho việc khôi phục Đài Loan và việc hợp nhất Đài Loan-Trung Quốc là “lợi ích trung tâm” của Trung Quốc. Thêm nữa, trong bối cảnh đã có những động thái về vấn đề độc lập của Đài Loan, xử lý vấn đề Đài Loan càng trở nên cấp thiết đối với Trung Quốc. Để ngăn cản Đài Loan giành độc lập, Trung Quốc đang cố gắng, ngoài những vấn đề khác, giành được nhiều sự ủng hộ hơn từ các nước khác, bao gồm các quốc gia ASEAN. Việc đối đầu với, chưa nói đến việc sử dụng vũ lực chống lại các bên tranh chấp khác về vấn đề Biển Đông có thể làm chệch hướng chính sách “ngoại giao mỉm cười” của Trung Quốc đối với ASEAN. Điều này cũng có thể làm cho ASEAN tiếp thu nhanh hơn chính sách “hướng nam” của Đài Loan với việc có được nhiều sự ủng hộ hơn từ các nước Đông Nam Á, từ đó ảnh hưởng xấu đến những nỗ lực tìm kiếm sự ủng hộ việc giành lại Đài Loan của Trung Quốc.⁴¹

Như một số nhà phân tích Trung Quốc đã nhấn mạnh, chính sách của Trung Quốc về Biển Đông nên phụ thuộc vào chiến lược nuôi dưỡng và duy trì quan hệ hợp tác với ASEAN. Do đó, những mâu thuẫn về Biển Đông không nên ảnh hưởng đến quan hệ chính trị và kinh tế gần gũi giữa Trung Quốc và ASEAN. Chiến lược chính trị đúng đắn cho tình hình hiện tại là tìm kiếm một giải pháp “đôi bên cùng có lợi” và trung thành với chính sách “*qiyutong cunyi*”

⁴¹ Xem, ví dụ, yang Qing, “Zhengque renshi he chuli Nanhai quanyi zhengduan” (Correctly understand and manage the disputes on oceanic rights and benefits in the South China Sea), tại <http://politics.people.com.cn/GB/30178/4030534.html>, truy cập ngày 12 tháng 3 năm 2008.

(tìm kiếm tiếng nói chung đồng thời chấp nhận sự khác biệt). Chiến lược trước mắt cho vấn đề Trường Sa nên là tối đa hóa lợi ích kinh tế của Trung Quốc bằng cách nỗ lực thúc đẩy cùng khai thác với các quốc gia tranh chấp khác trong khu vực.⁴² Đề xuất này dường như đang được Trung Quốc lên kế hoạch ở thời điểm hiện tại và có thể là cả trong tương lai gần. Chính sách cùng phát triển Trường Sa có thể kết hợp với chiến lược lớn của Trung Quốc, nhấn mạnh hòa bình, phát triển và hợp nhất Trung Quốc bằng cách giảm bớt sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế về vấn đề độc lập cho Đài Loan nói chung, và quan hệ thân thiện giữa Đài Loan với các vùng lân cận như ASEAN nói riêng. Trung Quốc và các quốc gia tranh chấp khác được hi vọng sẽ hưởng lợi từ các nguồn tài nguyên, đặc biệt là dầu và khí, từ đó thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực cũng như sự tin tưởng lẫn nhau.

Như người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã thông báo sau khi ký kết thỏa thuận ba bên về việc tiến hành khảo sát địa chất ở Biển Đông năm 2005, Trung Quốc sẽ làm việc với các quốc gia ASEAN có liên quan để biến Biển Đông thành “biển tình bạn” và “biển hợp tác”⁴³. Tuy nhiên, cũng phải nhấn mạnh rằng, trong khi tiến hành cùng khai thác với các quốc gia tranh chấp khác, Trung Quốc chủ yếu nói về những dự án kinh doanh ở vùng đang tranh chấp ở Trường Sa chứ không phải ở vùng nước nông gần Trung Quốc, cũng không phải ở những vùng thuộc sự kiểm soát của Trung Quốc như những vùng gần Hoàng Sa. Thêm vào đó, đối với Trung Quốc, việc cùng khai thác sẽ được tiến hành bằng cách gác lại những tranh chấp chủ quyền. Bất kỳ một đề xuất hay hình mẫu nào nhằm phân chia chủ quyền Biển Đông của các

⁴² Tian Xinjian and Yang Qing, “Zhengque renshi he chuli Zhongguo yu Dongmeng de haiyang quanyi zhengduan” (Correctly understand and manage the disputes on oceanic rights and benefits in the South China Sea), tại www.comra.org/dyzl/050614.htm, truy cập ngày 12 tháng 3 năm 2008.

⁴³ *Hainan Ribao* (Hainan Daily), 16 tháng 3 năm 2005, tại www.cnooc.com.cn/zhyww/xwygg/212697.shtml, truy cập ngày 13 tháng 3 năm 2008.

quốc gia tranh chấp đều sẽ không được Bắc Kinh chấp nhận.⁴⁴ Trên thực tế, một khi vấn đề chủ quyền được đưa ra, Trung Quốc sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài khẳng định quyền chủ quyền của mình ở Biển Đông.

Vấn đề và triển vọng

Khi Trung Quốc nhìn lại tình hình ở Biển Đông, Trung Quốc không thể không chú ý rằng các quốc gia tranh chấp khác đang không ngừng hết sức củng cố chủ quyền và sự kiểm soát thực sự đối với Trường Sa mặc dù các quốc gia này đã thể hiện mong muốn cùng khai thác ở khu vực này. Việc khai thác và sản xuất dầu và khí trên quy mô lớn cũng đã được thực hiện bởi những bên tranh chấp này trong một số vùng nước nhất định gần Trường Sa. Ngược lại, trong khi củng cố sự kiểm soát đối với một số đảo nhỏ và bãi đá ở Trường Sa, Trung Quốc chưa hề khoan một giếng dầu nào hay chưa hề kiểm soát một khu vực khí hay dầu nào hết.⁴⁵ Bắc Kinh lo lắng rằng các đối thủ có thể không thật sự quan tâm đến việc chia sẻ nguồn tài nguyên dựa trên việc cùng khai thác và ngay cả trong trường hợp những nước này có như thế, các nước này cũng sẽ lợi dụng những cuộc đàm phán kéo dài về cùng khai thác để làm mạnh hơn việc kiểm soát thực sự và chiếm hữu hợp pháp ở các đảo nhất định ở Trường Sa. Do đó, có lý do để cho rằng Trung Quốc sớm hay muộn cũng sẽ lựa chọn chính sách cùng khai thác, ít nhất là ở một số đảo ở Trường Sa.

⁴⁴ Đối với phân tích về thái độ của Trung Quốc đối với việc áp dụng các hình mẫu này đối với Biển Đông, xem, ví dụ, Guo Peiqing, “‘Nanji moshi’ neng yongyu Nanshaqundao ma” (Can the “Antarctic model” be applied to the Spratlys?) *Haiyang Kaifa yu Guanli* (Ocean Development and Management) 3 (2004), tr. 34-36; Lin Zhong, “Zhongguo yu gontong kaifa de xueshu tantao” (Scholarly exploration of China and joint development), *Xiandai Fazue* (Modern Law) 1 (1998), tr. 73-79.

⁴⁵ Xu Longdi, “21 shiji diyuan zhengzhi zhong de Nansha qundao” (Geopolitics and Nansha Islands in the twenty first century), *Shanghai Jiaotong Dazue Xuebao* (Journal of Shanghai Jiao Tong University; Philosophy and Social Science) 13, 5 (2005), tr. 42.

Tuy nhiên, Trung Quốc cũng sẽ phải cẩn thận trong việc tham gia vào cùng khai thác ở Biển Đông bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc, sự e dè và thậm chí phản đối ở trong nước.⁴⁶ Ngoài ra, Trung Quốc cũng lo ngại rằng tranh chấp Biển Đông cũng có thể bị quốc tế hóa. Hầu hết các quốc gia tranh chấp, kể cả Trung Quốc, đều đã mời các công ty dầu nước ngoài vào tiến hành hoạt động khai thác và sản xuất dầu. Theo đó, đã có “sự quốc tế hóa ở một mức độ nào đó” đối với vấn đề Biển Đông. Điều làm Trung Quốc, và có thể một số quốc gia tranh chấp khác, quan ngại là chính phủ của các công ty dầu nói trên có thể can thiệp vào tranh chấp Biển Đông trên danh nghĩa bảo vệ quyền lợi của các công ty trên. Quan trọng hơn, đã có những đề xuất về việc trình vấn đề Biển Đông lên các hội nghị và tổ chức quốc tế để thảo luận và/hoặc phân xử. Đã có một số động thái về vấn đề này như việc Philippines nhờ Mỹ để bảo vệ cho yêu sách của mình hoặc để chống lại những ảnh hưởng của Trung Quốc. Mặc dù đã có những nghi ngờ rằng liệu Mỹ, hay Nhật Bản, Ấn Độ có muốn dính líu trực tiếp đến đàm phán Biển Đông, hoàn toàn có lý do để tin rằng các cường quốc ngoài khu vực này quan tâm đến việc duy trì tự do và an ninh cho tuyến giao thông ở eo biển Malacca và Biển Đông. Do đó, các căng thẳng hay tranh chấp ảnh hưởng đến an ninh khu vực này có thể dẫn đến việc các cường quốc tham gia vào việc tìm kiếm hòa bình và ổn định ở Biển Đông.

Hiện thực hóa chính sách cùng khai thác cũng đi kèm với việc tìm ra một khu vực cho cùng khai thác, cụ thể hóa nhiệm vụ của công ty liên doanh, thống nhất một công thức để chia sẻ chi phí và tài nguyên nếu có, chỉ định bộ phận quản lý, và tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề thực tiễn khác. Đối với Trung

⁴⁶ Một trong các số ít kênh cho dư luận Trung Quốc phát biểu ý kiến là các diễn đàn trên Internet, ở đó có thể thấy một vài quan điểm cực đoan về vấn đề Biển Đông. Xem, ví dụ, Zhongguo Heping Luntan (China Peace Forum), “Zhongguo shifou yinggai zai Nanhai dui Yuenan Dongshou?” (Should China use force against Vietnam in the South China Sea?), gửi lên ngày 4 tháng 2 năm 2008, có thể xem tại <http://forum.china.com.cn/CIICBBS/read.php?tid=287037>, truy cập ngày 10 tháng 3 năm 2008.

Quốc, có vẻ như nước này quan tâm trước hết đến thực hiện cùng khai thác ở những vùng tranh chấp ở Trường Sa chứ không phải ở những vùng nước nông gần Trung Quốc cũng như những vùng nước đang nằm trong tầm kiểm soát của nước này, như đã được nhắc đến trước đây. Do đó, vùng được chọn để tiến hành khảo sát địa chất bởi công ty CNOOC của Trung Quốc, PetroVietnam của Việt Nam và Công ty dầu quốc gia Philippines nằm trong vùng phía đông Trường Sa (xem hình 10.2) và tương đối xa Trung Quốc so với Philippines và Việt Nam.

Vấn đề khó giải quyết nhất vẫn là vấn đề chủ quyền. Trung Quốc đã tuyên bố rằng cùng khai thác phải được dựa trên sự công nhận của các quốc gia tranh chấp khác rằng chủ quyền Biển Đông thuộc về Trung Quốc. Tuy nhiên, bởi vì đây là một điều khó có thể trở thành hiện thực, có vẻ như Trung Quốc đã sẵn sàng tạm thời gác qua một bên tranh chấp về chủ quyền và tập trung vào khai thác tài nguyên đáy biển ở thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, điều này có thể sẽ không được thừa nhận hoàn toàn bởi các quốc gia khác. Ví dụ, Philippines, quốc gia có vẻ ít có vấn đề với cách tiếp cận Trung Quốc, vẫn thấy khó để gác lại hoàn toàn vấn đề chủ quyền khi bàn đến cùng khai thác.



Hình 10.2 Vùng tiến hành khảo sát địa chất ba bên (màu đen)

Một trường hợp cụ thể là thỏa thuận ba bên giữa Trung Quốc, Việt Nam và Philippines ký năm 2005 về tiến hành khảo sát địa chất phần phía Đông Trường Sa. Đến năm 2008, nếu không phải sớm hơn, giai đoạn đầu tiên hay “giai đoạn thăm dò” tài nguyên trong vùng đã hoàn tất và “giai đoạn phát triển” đã sẵn sàng bắt đầu. Trong một cuộc gặp với Tổng thống Philippines Gloria Macapagal Arroyo tại Singapore cuối năm 2007, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã bày tỏ hi vọng rằng những hợp tác trong tương lai giữa ba quốc gia sẽ được tiếp tục.⁴⁷ Về vấn đề này, người phát ngôn của Philippines Jose

⁴⁷ *Asia Pulse*, ngày 21 tháng 11 năm 2007.

C. de. Venecia Jr đã thông báo rằng thỏa thuận ba bên nên được xúc tiến và hoàn thành để mở đường cho các công ty dầu Trung Quốc, Philippines và Việt Nam tiến hành hoạt động khoan thăm dò dầu.⁴⁸ Vấn đề là Giám đốc Công ty dầu quốc gia Philippines, ông Antonio M Cailao đã tuyên bố Philippines sẽ viện dẫn “quyền chủ quyền” đối với Biển Đông và Philippines có quyền quyết định ai được tham gia vào dự án. Trên thực tế, ông này khẳng định rằng Philippines sẽ khẳng định chủ quyền và chính phủ Philippines “sẽ viện dẫn quyền của mình để phát triển thăm dò dầu/khí bởi vùng dầu khí nằm trong vùng mà Philippines có thẩm quyền.”⁴⁹ Nếu Manila tiếp tục khẳng định quyền chủ quyền trên Biển Đông, nước này đã không tiên đoán tốt cho những sự phát triển tiếp sau đó của khu vực. Tương tự, vấn đề chủ quyền cũng gây ra một số vấn đề khi vào năm 2007, Trung Quốc quyết định thành lập Thành phố Tam Sa để quản lý Hoàng Sa, Bờ biển Macclesfield và Trường Sa. Quyết định này đã dẫn đến những cuộc biểu tình chưa từng có chống lại Trung Quốc ở Việt Nam.⁵⁰

Cùng khai thác, đặt biệt thăm dò và sản xuất dầu khí ở Biển Đông đòi hỏi trí tuệ và ý chí chính trị mạnh mẽ, đồng thời cũng không thể tránh khỏi việc được và mất dựa trên những tính toán thực dụng của những nhà lãnh đạo chính trị có liên quan một khi muốn kế hoạch nói trên thành công. Chặng đường cùng khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phía trước vẫn còn dài và nhiều khó khăn.

⁴⁸ *Business World*, ngày 10 tháng 1 năm 2008.

⁴⁹ *Manila Bulletin*, ngày 6 tháng 1 năm 2008.

⁵⁰ Xem, ví dụ, Andrew Symon, “China, Vietnam Churn Diplomatic Waters,” tại www.atimes.com/China/IL20Ad01.html, truy cập ngày 13 tháng 3 năm 2008.